
A. GIỚI THIỆU GIẢI PHÁP

Mục lục

A.	TỔNG QUAN GIẢI PHÁP	3
A.1.	Giới thiệu công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	3
A.2.	Tổng quan giải pháp của Dự án Thuê dịch vụ thực hiện chuyển đổi, tập trung dữ liệu phục vụ triển khai hệ thống VNACCS/VCIS.....	4
A.3.	Bảng tham chiếu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật	7

A. TỔNG QUAN GIẢI PHÁP

A.1. Giới thiệu công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT

Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS) là công ty thành viên của tập đoàn FPT có cơ sở thực tiễn để đảm bảo chắc chắn cho sự thành công của dự án ***“Thuê dịch vụ thực hiện chuyển đổi, tập trung dữ liệu phục vụ triển khai hệ thống VNACCS/VCIS”*** - Tổng cục Hải quan Việt Nam.

Khẳng định đó được dựa trên những yếu tố vượt trội hiện nay của FIS trong lĩnh vực phát triển và chuyển giao công nghệ phần mềm tại Việt Nam và những kinh nghiệm có được từ việc triển khai các dự án công nghệ thông tin tại các Bộ, ban ngành, các Tỉnh/Thành, các doanh nghiệp trên toàn quốc, đặc biệt là kinh nghiệm triển khai/tư vấn các dự án quản lý nghiệp vụ Hải quan trước đó ở Việt Nam trong thời gian qua.

Với hơn 15 năm phát triển, FIS đang sở hữu một đội ngũ chuyên gia hàng đầu về công nghệ thông tin tại Việt Nam, được tốt nghiệp từ nhiều trường Đại học và trên Đại học danh tiếng trong nước và ở nước ngoài.

Với hệ thống chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001 và tiêu chuẩn chất lượng phần mềm đã được quốc tế công nhận CMMi (đang triển khai). FIS đảm bảo tốt nhất cho chất lượng dự án và sản phẩm do mình tạo ra và đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của khách hàng với các tiêu chuẩn chất lượng bắt buộc.

FIS có năng lực tài chính dồi dào và sự phát triển doanh số mạnh mẽ với doanh số năm 2012 lên tới gần 200 triệu USD và số lượng nhân viên đạt ngưỡng trên 2000 người.

Với năng lực phát triển ứng dụng công nghệ thông tin hàng đầu tại Việt Nam, kết hợp với kinh nghiệm lâu năm cùng công nghệ vượt trội. Danh sách khách hàng rộng lớn từ các Bộ ban ngành cho đến các tập đoàn kinh tế, tổ chức quốc tế như Bộ Tài Chính, TTXVN, Bộ Giáo dục đào tạo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Vietnam Airlines, PetrolVietNam, Bảo hiểm VietNam, ADB, ODA, UNDB, DANIDA, JOPSO... FIS đã chứng tỏ được uy tín của mình trong nhiều năm qua.

Qua hơn 15 năm hoạt động, FIS hiện có mặt tại 5 trung tâm lớn trên cả nước: Hà Nội, TP.Đà Nẵng, TP. HCM, Nha Trang và Cần Thơ.

Hiện nay, các chuyên gia của FIS đã đạt được hơn 1000 chứng chỉ quốc tế khác nhau của các hãng cung cấp giải pháp và dịch vụ hàng đầu trên thế giới như: Oracle, Microsoft, IBM, HP, Cisco, SAP, ArInfo, NCR, Diebold, Checkpoint, Netscreen.... Đặc biệt, với 7 chứng chỉ cao cấp nhất của Cisco trong lĩnh vực công nghệ mạng (CCIE – Cisco Certified Internetwork Experts) trên cả hai lĩnh vực Chuyển mạch (Routing & Switching) và An ninh mạng (Security), FIS là hiện là **đối tác Vàng đầu tiên và duy nhất** của Cisco tại khu vực Đông Dương.

Và đặc biệt vào 06/09/2005, FIS một lần nữa khẳng định tên tuổi của mình khi trở thành đối tác cao cấp nhất của Oracle với việc **đạt được chứng nhận CAP (Certified Advantage Partner) là chứng nhận cao nhất của Oracle**. Trong hơn 1.500 đối tác của Oracle tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, chỉ có 39 công ty đạt được chứng nhận cao cấp này. “Sau hơn 10 năm hợp tác chia sẻ kinh nghiệm với Oracle, FIS là một trong những đối tác chiến lược của Oracle tại Việt Nam”,

Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc Oracle Indochina nói. “Với mức đối tác cao nhất FIS sẽ có quyền truy cập vào nguồn tài nguyên về phần mềm cũng như tài liệu kỹ thuật của Oracle để phục vụ khách hàng được tốt hơn”.

Cũng trong năm 2005, **FIS trở thành đối tác Vàng đầu tiên của Microsoft tại Đông Dương và là đối tác Vàng của Check Point**. Với các mức đối tác này FIS luôn nhận được các hỗ trợ về công nghệ của các hãng CNTT hàng đầu. Sự công nhận của các hãng CNTT lớn nhất thế giới thể hiện công nghệ của FIS đã đạt trình độ quốc tế, đứng ngang hàng với các công ty tích hợp hệ thống lớn trên toàn cầu.

FIS nhận thức sâu sắc yếu tố con người là hạt nhân cho sự thành công trên con đường phát triển, vì vậy FIS luôn luôn tự hào với chính sách phù hợp kết hợp cùng nền văn hóa công ty phát triển vượt bậc tại Việt Nam. Điều đó là yếu tố quan trọng gắn kết mọi thành viên lại với nhau giúp cho họ thể hiện hết khả năng của mình, góp phần tạo ra những giá trị mới, thành công hơn.

A.2. Tổng quan giải pháp của Dự án Thuê dịch vụ thực hiện chuyển đổi, tập trung dữ liệu phục vụ triển khai hệ thống VNACCS/VCIS.

Tài liệu giải pháp kỹ thuật do Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS) chúng tôi đề xuất cho dự án ***“Thuê dịch vụ thực hiện chuyển đổi, tập trung dữ liệu phục vụ triển khai hệ thống VNACCS/VCIS”*** bao gồm:

- A – Tổng quan giải pháp;
- B – Giải pháp kỹ thuật;
- C – Thực hiện dự án;
- D – Bảo hành bảo trì;

Hệ thống tài liệu này sẽ trình bày những hiểu biết về quy trình xử lý nghiệp vụ, đề xuất các chức năng của phần mềm ứng dụng, các giải pháp về kỹ thuật và công nghệ, các phương pháp luận để tiến hành xây dựng, triển khai, quản lý dự án: ***“Thuê dịch vụ thực hiện chuyển đổi, tập trung dữ liệu phục vụ triển khai hệ thống VNACCS/VCIS”*** của Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS).

Để có một cách nhìn tổng thể về giải pháp do FIS đề xuất cũng như nhận thức của chúng tôi về gói thầu này, chúng tôi tóm tắt sơ bộ về mục tiêu, phạm vi của giải pháp như sau:

- Xây dựng công cụ chuyển đổi số liệu đáp ứng nhanh cho yêu cầu triển khai hệ thống VNACCS/VCIS bao gồm:
 - Công cụ chuyển đổi dữ liệu.
 - Công cụ kiểm soát dữ liệu.
 - Công cụ phê duyệt dữ liệu.
- Thực hiện chuyển đổi, tập trung dữ liệu phục vụ triển khai hệ thống VNACCS/VCIS với các nội dung cụ thể như sau:

- Chuyển đổi, tập trung dữ liệu của hệ thống thông quan điện tử đối với 32 Cục hải quan tỉnh, thành phố.
- Chuyển đổi, tập trung dữ liệu của hệ thống kế toán thuế đối với 32 Cục hải quan tỉnh, thành phố.
- Chuyển đổi, tập trung dữ liệu của hệ thống giá tính thuế đối với 07 Cục hải quan tỉnh, thành phố.
- Chuyển đổi, tập trung dữ liệu của hệ thống quản lý vi phạm đối với 29 Cục hải quan tỉnh, thành phố.
- Thực hiện kiểm tra, rà soát dữ liệu sau chuyển đổi nhằm chốt số liệu của từng giai đoạn để đưa vào CSDL tập trung tại Tổng cục hải quan.
- Thực hiện chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung(CSF) cho hệ thống VNACCS/VCIS (bao gồm chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK và dữ liệu quản lý rủi ro):
 - Chuẩn bị dữ liệu kiểm thử riêng hệ thống VNACCS/VCIS.
 - Chuẩn bị dữ liệu kiểm thử hệ thống VNACCS/VCIS kết nối với hệ thống của hải quan Việt Nam.
 - Chuẩn bị dữ liệu kiểm thử hệ thống triển khai theo mô hình lai ghép thực tế.
 - Nhập dữ liệu giả lập, dữ liệu thực, dữ liệu cũ vào hệ thống.
- Hỗ trợ triển khai giai đoạn running test hệ thống VNACCS/VCIS và các hệ thống ứng dụng tập trung ngành Hải quan:
 - Hỗ trợ vận hành hệ thống VNACCS/VCIS
 - Hỗ trợ vận hành các hệ thống liên quan của hải quan, cơ sở dữ liệu dùng chung, website đăng ký người sử dụng, hồ sơ doanh nghiệp.
 - Hỗ trợ vận hành tại Chi cục hải quan theo yêu cầu của chủ đầu tư
- Bảo hành miễn phí hệ thống (công cụ chuyển đổi, kiểm tra và phê duyệt dữ liệu): 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu tổng thể.
- Thực hiện chuyển đổi dữ liệu của 32 Cục hải quan tỉnh, thành phố (bao gồm cả các Chi cục hải quan trực thuộc):

STT	Đơn vị hải quan
1.	Cục hải quan Đà Nẵng
2.	Cục hải quan Cần Thơ
3.	Cục hải quan Hải Phòng
4.	Cục hải quan Hồ Chí Minh
5.	Cục hải quan Đắk Lắk

6.	Cục hải quan Đồng Tháp
7.	Cục hải quan Điện Biên
8.	Cục hải quan An Giang
9.	Cục hải quan Bà Rịa – Vũng Tàu
10.	Cục hải quan Bình Định
11.	Cục hải quan Bình Dương
12.	Cục hải quan Bình Phước
13.	Cục hải quan Cà Mau
14.	Cục hải quan Cao Bằng
15.	Cục hải quan Gia Lai
16.	Cục hải quan Hà Giang
17.	Cục hải quan Hà Tĩnh
18.	Cục hải quan Khánh Hòa
19.	Cục hải quan Kiên Giang
20.	Cục hải quan Lạng Sơn
21.	Cục hải quan Lào Cai
22.	Cục hải quan Long An
23.	Cục hải quan Nghệ An
24.	Cục hải quan Quảng Bình
25.	Cục hải quan Quảng Nam
26.	Cục hải quan Quảng Ngãi
27.	Cục hải quan Quảng Ninh
28.	Cục hải quan Quảng Trị
29.	Cục hải quan Tây Ninh
30.	Cục hải quan Thanh Hóa
31.	Cục hải quan Thừa Thiên – Huế
32.	Cục hải quan Bắc Ninh

Căn cứ theo danh mục các Cục hải quan nêu trên, tùy thuộc vào các nghiệp vụ hải quan tại từng đơn vị để thực hiện chuyển đổi các cơ sở dữ liệu: TQĐT (SLXNK+GC+CX+SXXK), GTT01, VIPHAM, KT559

- Thời gian thực hiện toàn bộ các hạng mục công việc là 12 tháng.

A.3. Bảng tham chiếu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật

TT	Nội dung yêu cầu	Khả năng đáp ứng	Tham chiếu
I	Kinh nghiệm và hiểu biết của nhà thầu		
1	Kinh nghiệm về năng lực		
	Lớn hơn hoặc bằng 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu Hồ sơ kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu
	Số lượng các hợp đồng tương tự tính chất của gói thầu	9	Tài liệu Hồ sơ kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu
2	Kinh nghiệm về triển khai	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu Hồ sơ kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu
	Đã triển khai hệ thống tương tự	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu Hồ sơ kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu
	Trường hợp có tổng hợp dữ liệu từ đơn vị cấp dưới lên (kèm theo dữ liệu chi tiết và tổng hợp)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu Hồ sơ kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu
	+ Có từ 1 đến 2 đơn vị cấp dưới		
	+ Từ 3 đến 5 đơn vị cấp dưới	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu Hồ sơ kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu
3	Nhận thức vấn đề	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu A, mục A.2. Tài liệu B – Giải pháp kỹ thuật Tài liệu C – Thực hiện dự án
	Hiểu rõ đầy đủ các nội dung trong HSMT	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu A, mục A.2. Tài liệu B – Giải pháp kỹ thuật Tài liệu C – Thực hiện dự án
	Có thêm các nội dung mở rộng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ ngoài các nội dung trong HSMT	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu A, mục A.2. Tài liệu B – Giải pháp kỹ thuật Tài liệu C – Thực hiện dự án
II	Giải pháp đề xuất của nhà thầu	Đáp ứng hoàn toàn	
1	Mô hình, giải pháp chuyển đổi dữ liệu	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.2.
	Có đề xuất được giải pháp chuyển đổi tổng thể	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.2.1.
	Có đề xuất được giải pháp chuyển đổi theo từng loại CSDL	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.2.2.

TT	Nội dung yêu cầu	Khả năng đáp ứng	Tham chiếu
	Có đề xuất phân luồng dữ liệu để chuyển đổi và phương thức chuyển đổi dữ liệu.	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.2.3.
	Có đề xuất phân luồng dữ liệu để chuyển đổi và phương thức chuyển đổi dữ liệu theo nhiều giai đoạn có chốt số liệu theo từng giai đoạn	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.2.3.
2	Giải pháp xây dựng công cụ chuyển đổi	Đáp ứng hoàn toàn	
	Có đề xuất được giải pháp thiết kế các chức năng chuyển đổi dữ liệu.	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.3.1., mục B.3.2.
	Có đề xuất được giải pháp thiết kế các chức năng kiểm tra dữ liệu và phê duyệt dữ liệu	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.3.3.
	Có giao diện tương tác giữa chức năng và CSDL cho đầy đủ các chức năng của công cụ chuyển đổi dữ liệu, kiểm tra dữ liệu và phê duyệt dữ liệu (có minh họa)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.3.2., mục B.3.3.
3	Nền tảng công nghệ	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.7.
	Có nêu được nền tảng công nghệ sử dụng cho việc xây dựng công cụ chuyển đổi, kiểm tra và phê duyệt dữ liệu (lớp giao diện, lớp CSDL, công cụ lập trình, ngôn ngữ lập trình)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.7.
	Có sử dụng công cụ thiết kế hệ thống	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.7.7.
	Có sử dụng công cụ quản lý dự án	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.7.8.
4	Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.8.
	Đề xuất được biện pháp đảm bảo an toàn cho hệ thống và cơ sở dữ liệu được chuyển đổi	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.8
	Đề xuất được biện pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống và cơ sở dữ liệu được chuyển đổi.	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.8
5	Giải pháp đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống CSDL sau khi chuyển đổi dữ liệu	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.9.
	Có đề xuất được giải pháp đảm bảo tính sẵn sàng, an toàn của hệ thống CSDL trước và sau khi chuyển đổi dữ liệu	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.9.

TT	Nội dung yêu cầu	Khả năng đáp ứng	Tham chiếu
	Có giải pháp đưa ra phù hợp với điều kiện hiện tại của ngành Hải quan như: trang thiết bị, hạ tầng phần cứng, mạng	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu B. Giải pháp kỹ thuật – Mục B.9.
III	Triển khai, Hỗ trợ, Bảo hành	Đáp ứng hoàn toàn	
1	Triển khai	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án
	Có đề xuất được các bước triển khai thực hiện (Tối thiểu phải đề cập được các bước triển khai)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án, mục C.2.1.
	Có kết quả đạt được của mỗi bước (Tối thiểu phải đề cập được kết quả đạt được của từng bước triển khai)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án, mục C.2.2.
	Phương án triển khai phù hợp với điều kiện của các CSDL, hạ tầng, công nghệ hiện tại của ngành Hải quan và các bước triển khai đã đặt ra.	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án, mục C.2.1.
2	Kế hoạch triển khai	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án
	Kế hoạch triển khai cụ thể bao gồm (Kế hoạch triển khai xây dựng công cụ; Kế hoạch triển khai chuyển đổi dữ liệu; Kế hoạch hỗ trợ triển khai vận hành thử nghiệm hệ thống VNACCS/VCIS)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án, mục C.10.
	Kế hoạch triển khai cụ thể bao gồm (Kế hoạch triển khai xây dựng công cụ; Kế hoạch triển khai chuyển đổi dữ liệu, kiểm tra rà soát dữ liệu và phê duyệt dữ liệu; Kế hoạch hỗ trợ triển khai vận hành thử nghiệm hệ thống VNACCS/VCIS)	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu C – Thực hiện dự án, mục C.10.
3	Hỗ trợ vận hành thử nghiệm hệ thống VNACCS/VCIS	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu D – Bảo hành bảo trì
	Cam kết hỗ trợ 90 ngày	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu D – Bảo hành bảo trì, mục D.2.
	Cam kết hỗ trợ 120 ngày	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu D – Bảo hành bảo trì, mục D.2.
4	Bảo hành sản phẩm	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu D – Bảo hành bảo trì
	Cam kết bảo hành trong thời hạn tối thiểu 06 tháng tại TCHQ	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu D – Bảo hành bảo trì, mục D.2.
	Cam kết bảo hành trong thời hạn 12 tháng tại TCHQ	Đáp ứng hoàn toàn	Tài liệu D – Bảo hành bảo trì, mục D.2.